

Số: 255/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Bùi Đức T, sinh năm 1964

Chỗ ở hiện tại: Số 20C, ngách 7, ngõ 39 đường H, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

ĐKHKT: 79 L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Chị Trần Thị Y, sinh năm 1972

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 4, ngách 6, ngõ 85 S, quận L, thành phố Hà Nội.

ĐKHKT: 79 L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức T và chị Trần Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, thành phố Hà Nội ngày 28/5/1996, nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị Y là hợp pháp.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không yêu thương, chăm sóc, tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nay, anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã ở mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Bùi Đức T và chị Trần Thị Y có 02 con chung là Bùi Nhật Q (nam), sinh ngày: 14/7/1997 và Bùi Trần Khánh L (nữ), sinh ngày 08/10/2000.

Hai con đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), việc các cháu ở với ai là do các cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung (động sản, bất động sản): anh T và chị Y thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: anh T và chị Y xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về lệ phí ly hôn: anh T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đức T và chị Trần Thị Y.

[2] Về con chung: Anh Bùi Đức T và chị Trần Thị Y có 02 con chung là Bùi Nhật Q (nam), sinh ngày: 14/7/1997 và Bùi Trần Khánh L (nữ), sinh ngày 08/10/2000.

Hai con đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Đức T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C (Biên lai thu số 0003650 ngày 22/6/2020) nay được chuyển thành lệ phí.

II. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận C;
- UBND phường C, quận H, thành phố Hà Nội
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Vũ Thu Hiền